

1

sống ly thân từ tháng 10/2014 đến nay. Tôi nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với anh B được nữa. Vì vậy tôi yêu cầu được ly hôn anh B.

Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung là Trần Ngọc D, sinh ngày 25/8/2014. Tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa giải quyết.

Quan điểm của Viện kiểm sát: Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B và giao con chung cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn anh Trần Ngọc B nhiều lần nhưng anh B không đến Tòa. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai để anh B tham gia phiên tòa nhưng anh B vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B và anh Trần Ngọc B tự nguyện kết hôn, được UBND xã VH, thành phố Nha Trang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 28/2014, quyển số 01/2014, ngày 12/6/2014. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của chị B, giữa chị B và anh B từ lâu đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Chị B và anh B đã sống ly thân từ tháng 10/2014 đến nay, và tình cảm của chị B đối với anh B hiện không còn nữa. Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn giữa chị B và anh B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chấp nhận yêu cầu của chị B về việc được ly hôn anh B.

Về con chung: Chị B và anh B có 01 con chung tên là Trần Ngọc D, sinh ngày 25/8/2014. Chị B yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng cháu D còn nhỏ nên giao cháu D cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là cần thiết, vì vậy chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị B. Chị B không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Chị B và anh B không yêu cầu Tòa giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự,

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình;

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Chị Nguyễn Thị B được ly hôn anh Trần Ngọc B.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Ngọc D, sinh ngày 25/8/2014 cho chị Nguyễn Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh Trần Ngọc B được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, chị B và anh B đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như yêu cầu thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Chị B và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/0006720 ngày 16 tháng 05 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Như vậy, chị B đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết để đề nghị Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa
- VKSND TP.Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
- Chi cục THA dân sự TP.NT, tỉnh Khánh Hòa
- UBND xã VH, Nha Trang
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ, văn phòng

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Phạm Thị Thanh Hải